

Số: 2958/CTr-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 5 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kết luận số 18-KL/TW của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”; Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 05/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2025 - 2030); Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 22/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 05/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2025 - 2030); Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 22/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính quyền các cấp, các ngành, địa phương; cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

2. Chương trình hành động phải xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm nhằm cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, đường lối, định hướng của Trung ương và của tỉnh; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh, sát với tình hình thực tiễn của địa phương, bối cảnh trong nước và quốc tế; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn tới.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định có trọng tâm, trọng điểm, rõ lộ trình, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với nguồn lực; gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo; làm căn cứ để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng chủ động, quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện. Trong triển khai thực hiện phải xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ, đề cao quyết tâm chính trị, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện nghiêm phương châm hành động “*Đoàn kết, kỷ cương - Dân chủ, đổi mới - Đột phá, phát triển - Gần dân, vì dân*”, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

1.1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

Thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh về mục tiêu phấn đấu đạt tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới “2 con số”, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp.

Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch triển khai với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và sản phẩm đầu ra cụ thể theo từng lĩnh vực; phát huy lợi thế của từng địa bàn bảo đảm phân công “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả”, gắn trách nhiệm người đứng đầu. Đổi mới mạnh mẽ công tác quản trị, điều hành theo hướng lấy hiệu quả, kết quả thực hiện làm thước đo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ theo kết quả, gắn với cơ chế khen thưởng, xử lý trách nhiệm rõ ràng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin và khơi dậy khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững của tỉnh.

1.2. Tập trung xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững

Tiếp tục tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 342-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gắn với Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 25/3/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU

ngày 10/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

Tổ chức triển khai hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo quy định; tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế làm việc, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy dân chủ ở cơ sở, nâng cao vai trò giám sát của Nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông và huy động hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển văn hóa và con người Sơn La toàn diện, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc; thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, khuyến khích đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành các sản phẩm văn hóa đặc trưng, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách phát triển xã hội theo hướng công bằng, bao trùm và bền vững; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; tập trung thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển bền vững.

1.3. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 29/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026–2030 và định hướng đến năm 2045; cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Chủ động điều hành linh hoạt, hiệu quả chính sách tài chính - ngân sách địa phương; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; mở rộng cơ sở thu, chống thất thu, thu đúng, thu đủ; nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng gắn với kết quả đầu ra và hiệu quả phát triển, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tính lan tỏa cao.

Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công; phấn đấu số lượng dự án đầu tư vốn ngân sách nhà nước thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phải thấp hơn giai đoạn 2021 - 2025 định hướng tối thiểu 30% tổng số lượng dự án để tập trung cho các dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đặc biệt là hạ tầng giao thông liên vùng, hạ tầng số, hạ tầng nông nghiệp và nông thôn. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách, nhất là khu vực kinh tế tư nhân, các hình thức hợp tác công - tư; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; chuyển dịch mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang kết hợp hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh miền núi; phát triển hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực, các vùng và các khu vực kinh tế; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực chủ lực, có lợi thế của tỉnh. Trong đó, cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô phù hợp, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; hình thành các vùng sản xuất nông sản chủ lực gắn với chế biến sâu, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên công nghiệp chế biến, chế biến sâu nông sản, năng lượng tái tạo; từng bước hình thành các cụm liên kết ngành, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất.

Phát triển khu vực dịch vụ theo hướng đa dạng, hiện đại, có giá trị gia tăng cao; chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển thương mại, logistics và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Tăng cường liên kết vùng, mở rộng hợp tác phát triển; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo không gian phát triển mới. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

1.4. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Việt Nam

Tập trung phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là động lực nội sinh quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững; gắn chặt chẽ với xây dựng con người Sơn La phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, tinh thần, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, thể thao; gắn phát triển văn hóa với du lịch, từng bước hình thành các sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống, ý thức công dân; xây dựng gia đình, cộng đồng văn hóa; nâng cao chất lượng phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội; phát huy vai trò của báo chí, truyền thông trong lan tỏa giá trị văn hóa, con người Sơn La. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về phát triển văn hóa; tổ chức thực hiện có chất lượng Nghị quyết số 80-NQ/TU ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

Tập trung triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025–2035 và các đề án liên quan; gắn phát triển văn hóa với thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên.

Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; gìn giữ, phát huy các loại hình nghệ thuật, lễ hội, nghi lễ truyền thống và di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc, nhất là các giá trị có nguy cơ mai một. Khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng tham gia bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững.

Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong định hướng thẩm mỹ, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách con người; nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại; tích cực tham gia các sự kiện cấp khu vực, quốc gia nhằm quảng bá hình ảnh, con người Sơn La.

Nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao; duy trì và nâng cao thành tích thi đấu tại các giải khu vực, quốc gia theo Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Sơn La giai đoạn 2021–2030.

1.5. Xây dựng nền giáo dục hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển

Tập trung xây dựng nền giáo dục và đào tạo của tỉnh theo hướng hiện đại, toàn diện, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 14/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đồng thời triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Thực hiện linh hoạt, phù hợp việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày gắn với điều kiện thực tiễn; tăng cường dạy và học ngoại ngữ, từng bước nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh, hướng tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non và triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình.

Chú trọng giáo dục toàn diện, phát triển hài hòa về trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, ý thức công dân. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao trong nhà trường nhằm nâng cao thể chất, tâm vóc và sức khỏe học sinh. Triển khai hiệu quả giáo dục theo định hướng STEAM gắn với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học, từng bước xây dựng môi trường giáo dục thông minh.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số và hội nhập quốc tế. Gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục, đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2025–2030; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chú trọng đào tạo lao động kỹ thuật, lao động có kỹ năng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Sơn La.

1.6. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành nền tảng, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 320-KH/TU ngày 21/4/2025 triển khai, thực hiện Phong trào "*Bình dân học vụ số*" trên địa bàn tỉnh Sơn La. Kịp thời chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị

quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các nhiệm vụ tại các văn bản chỉ đạo, kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tập trung phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, hạ tầng dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung của tỉnh bảo đảm kết nối, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; từng bước hình thành chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số.

Rà soát xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030, trong đó tập trung triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy mô lớn, có tính liên ngành, liên vùng nhằm giải quyết đồng bộ các bài toán lớn, các điểm nghẽn trong từng lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên các đề tài nghiên cứu trong sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển du lịch, bảo quản tiêu thụ nông sản, sản xuất nông nghiệp thông minh; nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; Phát triển du lịch bền vững gắn với tiềm năng lợi thế của địa phương (*du lịch bản địa; du lịch trải nghiệm*)... Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng gắn với thực tiễn; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tham gia sâu vào chuỗi giá trị.

Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, rủi ro trong không gian mạng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; phát huy vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo động lực quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

1.7. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian mới, lấy đô thị là động lực phát triển và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên hạ tầng giao thông có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển; đẩy mạnh nâng cấp các tuyến giao thông huyết mạch, phát triển hệ thống logistics, kho tàng, bến bãi, nâng cao năng lực vận tải và lưu thông hàng hóa. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai các dự án động lực, trọng điểm như tuyến cao tốc CT.03 (*Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên*), tuyến Sơn La - Lào Cai, Cảng hàng không Nà Sản; gắn phát triển hạ tầng với khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực tăng trưởng, đồng thời phát triển hạ tầng giao thông đa phương thức và hạ tầng kỹ

thuật đô thị hiện đại phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; tập trung hoàn thành và đưa vào khai thác tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua địa bàn tỉnh, từng bước mở rộng theo quy hoạch (04 làn xe) và triển khai tuyến cao tốc Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên (CT.03) giai đoạn 2026–2030.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, nâng cao chất lượng đô thị theo hướng xanh, bền vững; tập trung phát triển hệ thống đô thị của tỉnh có trọng điểm, phát huy vai trò trung tâm của đô thị trong lan tỏa, dẫn dắt phát triển các vùng. Gắn phát triển đô thị với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quản lý chặt chẽ quy hoạch, sử dụng đất hiệu quả.

Xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới gắn với định hướng từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội có chất lượng tiệm cận với thành thị, phát triển đô thị vệ tinh giảm tải cho các đô thị chính. Phát triển các mô hình đô thị mới phù hợp với thực tiễn đặc biệt là mô hình quy hoạch phát triển đô thị lấy định hướng giao thông công cộng làm cơ sở (TOD). Đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tập trung rà soát, lập mới và điều chỉnh hệ thống quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn đảm bảo chất lượng, đồng bộ, thống nhất và phù hợp với định hướng quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh. Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị phù hợp với quy định mới về phân loại đô thị, trong đó xác định các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức phát triển đô thị theo định hướng phát triển đô thị thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh; chú trọng yếu tố đặc trưng, chức năng và bản sắc riêng, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững; phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt.

Phát triển đồng bộ hạ tầng số, hạ tầng viễn thông và Internet; xây dựng, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành. Từng bước phát triển hạ tầng số gắn với hạ tầng vật lý, tích hợp các công nghệ số, cảm biến trong các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu; phát triển hạ tầng phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng các khu, điểm động lực như Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, khu du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La; các khu công nghiệp Mai Sơn, Tân Yên, Yên Châu và hệ thống cụm công nghiệp; hạ tầng logistics. Nghiên cứu, đề xuất thành lập khu kinh tế cửa khẩu Lóng Sập và khu kinh tế cửa khẩu Chiềng Khương, tạo không gian phát triển mới, thúc đẩy giao thương, hợp tác kinh tế biên giới.

Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an ninh năng lượng theo Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị; đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện, điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối gắn với quy hoạch không gian, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác theo Nghị quyết số 68-NQ/TW; khuyến khích phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.

Gắn phát triển kết cấu hạ tầng với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững; nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; từng bước thu hẹp khoảng cách giữa khu vực đô thị và nông thôn, cải thiện điều kiện sống của người dân khu vực nông thôn.

1.8. Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống nhân dân

Tập trung quản lý phát triển xã hội theo hướng bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình, đề án về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2030; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi, công bằng với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Tiếp tục củng cố, sắp xếp và nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở khám chữa bệnh. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế, đặc biệt là y tế cơ sở, phấn đấu đến năm 2027 bảo đảm mỗi trạm y tế có từ 2–3 bác sĩ; củng cố hệ thống y tế dự phòng theo hướng chủ động, hiện đại, nâng cao năng lực giám sát, phát hiện sớm và đáp ứng kịp thời với các tình huống dịch bệnh; phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ sức khỏe sinh sản, đáp ứng nhu cầu chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi.

Tập trung phát triển kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện tuyến tỉnh; đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới nhằm giảm chuyển tuyến không cần thiết. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế; cải cách thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh; triển khai hiệu quả các mô hình khám chữa bệnh từ xa, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành. Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động y học cổ truyền; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh và khám, chữa bệnh.

Đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển y tế; triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân theo quy định. Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập có quy mô, chất lượng cao; các cơ sở chăm sóc sức khỏe tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới; cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em; nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả hệ thống chính sách an sinh xã hội, trợ giúp xã hội; kịp thời điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm mức sống tối thiểu cho các đối tượng yếu thế, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư.

Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hiện đại, hiệu quả; đẩy mạnh giải quyết việc làm bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, nâng cao chất lượng nguồn lao động, nhất là lao động qua đào tạo. Quan tâm thực hiện tốt công tác dân số và phát triển; chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc trẻ em và các đối tượng yếu thế, bảo đảm mọi người dân được thụ hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau.

1.9. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng biến đổi khí hậu

Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững các nguồn tài nguyên; gắn chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích trước mắt và lâu dài. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giải quyết những tồn tại, vướng mắc và quản lý, sử dụng hiệu quả đất có nguồn gốc nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025–2030.

Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, nhất là đối với các nguy cơ lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán. Tổ chức rà soát, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phù hợp với điều kiện thực tế; triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, phát triển sinh kế cho người dân tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, vùng có nguy cơ cao. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát, sắp xếp, ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025–2030.

Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, bảo vệ nguồn nước, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; đẩy mạnh các giải pháp phục hồi hệ sinh thái. Thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh

tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2026–2030.

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp; ưu tiên bố trí và huy động nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xử lý nước thải sinh hoạt đô thị với độ bao phủ đạt trên 50% tại các phường: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh, Thảo Nguyên, Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn. Phấn đấu hoàn thành đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các xã Mai Sơn, Yên Châu, Phù Yên trong giai đoạn 2026-2030 và từng bước đầu tư, xây dựng mới nhà máy tại các xã trung tâm; ưu tiên bố trí và huy động nguồn lực phát triển dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt với độ bao phủ đạt trên 96% tại 08 phường trong giai đoạn 2026-2028; đạt trên 90% tại 14 xã gồm: Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn, Sốp Cộp, Yên Châu, Bắc Yên, Phù Yên, Vân Hồ, Tân Yên, Đoàn Kết, Lóng Sập, Chiềng Sơn.

1.10. Giữ vững quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc; củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên địa bàn. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh ngay từ cơ sở; nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý hiệu quả các yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự; không để xảy ra bị động, bất ngờ. Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; hạn chế tối đa các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; giải quyết kịp thời các vụ việc ngay từ cơ sở, tạo chuyển biến rõ nét về trật tự, an toàn xã hội. Tập trung xây dựng lực lượng Công an tỉnh trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng chức năng trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, phát triển thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân. Chủ động xây dựng, củng cố thế trận an ninh trên không gian mạng; nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện, xử lý các nguy cơ, thách thức về an ninh mạng, bảo đảm an toàn thông tin, giữ vững thế chủ động trong bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc; tăng cường công tác dân vận, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2025–2030; tạo môi trường ổn định, an toàn phục vụ phát triển nhanh và bền vững. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, hướng tới mục tiêu xây dựng tỉnh Sơn La không ma túy

vào năm 2030; phấn đấu 100% xã, phường trên địa bàn không có ma túy, góp phần vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra.

1.11. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả

Tiếp tục cập nhật, cụ thể hóa kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng về đối ngoại và hội nhập quốc tế; tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 311-KH/TU ngày 21/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP của Chính phủ. Bảo đảm gắn kết chặt chẽ công tác đối ngoại với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai hoạt động đối ngoại.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 132-KH/TU ngày 11/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đến năm 2030. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế theo hướng thực chất, hiệu quả; đa dạng hóa các hình thức đối ngoại, phát triển các lĩnh vực ngoại giao mới như ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hóa, ngoại giao thương mại; chủ động xúc tiến, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hội nhập quốc tế và các cơ chế hợp tác đa phương.

Tập trung triển khai các định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bền vững; từng bước xây dựng tỉnh Sơn La trở thành trung tâm phát triển của tiểu vùng Tây Bắc. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tăng cường liên kết với các địa phương, đối tác trong và ngoài nước; duy trì, phát huy quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện với các tỉnh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, đặc biệt là các tỉnh có ký kết thỏa thuận hợp tác.

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế các khu vực cửa khẩu; đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế biên mậu, thương mại, du lịch, nhất là với các địa phương có liên quan đến các cặp cửa khẩu Lóng Sập - Pa Háng và Chiềng Khương - Bản Đán; tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế khu vực biên giới gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại; tăng cường quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; chủ động kết nối, mở rộng hợp tác với các địa phương, đối tác quốc tế có điều kiện phù hợp nhằm thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm chủ lực, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh gắn với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.12. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

Tổ chức cụ thể hóa kịp thời, đồng bộ các chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; triển khai thực hiện hiệu quả Kế

hoạch số 311-KH/TU ngày 21/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Sơn La. Gắn kết chặt chẽ công tác đối ngoại với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai hoạt động đối ngoại.

Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế theo hướng thực chất, hiệu quả; chủ động xúc tiến, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển. Tập trung triển khai các định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bền vững; từng bước xây dựng Sơn La trở thành trung tâm phát triển của tiểu vùng Tây Bắc.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; khai thác hiệu quả các khuôn khổ hợp tác, tăng cường liên kết với các địa phương, đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với các tỉnh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế biên mậu, thương mại, du lịch, giao lưu văn hóa, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

Nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại; đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của tỉnh Sơn La trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.13. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, gắn với thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh; tăng cường tổ chức thi hành pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; đẩy mạnh công tác hòa giải ở cơ sở gắn với phát huy vai trò tự quản của nhân dân.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm soát chặt chẽ quyền lực, tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng thực thi công vụ, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Triển khai hiệu quả Đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ có phẩm chất chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số trong

hoạt động của cơ quan nhà nước; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, bảo đảm công khai, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tiếp tục xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, phục vụ, góp phần xây dựng chính quyền tỉnh Sơn La trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ, giải pháp tài chính địa phương

2.1. Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển; rà soát chặt chẽ nhu cầu kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã ban hành, bố trí dự toán hàng năm trên cơ sở tiến độ thực hiện, nguồn lực triển khai, khả năng hấp thụ vốn, gắn chi tiêu với kết quả, hiệu quả thực hiện. Bố trí chi ngân sách nhà nước trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún, điều hành chi theo thứ tự ưu tiên. Đảm bảo các nhiệm vụ chi chính trị quan trọng của tỉnh, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các chính sách, chế độ đã ban hành, thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về giáo dục, đào tạo, y tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, các chương trình mục tiêu quốc gia, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chủ động thực hiện cải cách tiền lương, thưởng khu vực công, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp người có công, các chính sách xã hội.

2.2. Tập trung mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số. Đơn giản hóa hệ thống chính sách ưu đãi thuế. Hiện đại hóa hệ thống quản lý thu, giảm tối thiểu chi phí hành chính thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu của ngân sách nhà nước; chống thất thu thuế, tăng cường công tác chống chuyển giá.

2.3. Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án, nhiệm vụ mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, thực hiện đúng nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp và trong phạm vi nguồn lực ngân sách nhà nước để đảm bảo an toàn tài chính địa phương.

2.4. Tập trung tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các xã, phường; UBND tỉnh, các sở, ngành, các xã, phường chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

2.5. Tập trung xử lý các điểm nghẽn, thúc đẩy giải ngân đầu tư công, kịp thời rà soát, xử lý các dự án không theo kế hoạch phê duyệt, kiên quyết loại bỏ những dự án không thực sự cần thiết. Chuẩn bị đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án giai đoạn 2026-2030 theo quy định của Luật Đầu tư công, đảm bảo sẵn sàng để khởi công thực hiện ngay. Nghiên cứu cơ chế đánh giá, giám sát hiệu quả triển khai các chương trình, chủ trương, chính sách mới ban hành; đánh

giá hiệu quả chi ngân sách nhà nước.

3. Nhiệm vụ, giải pháp vay trả nợ công

Triển khai áp dụng hiệu quả Luật quản lý nợ công và văn bản pháp luật có liên quan, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng và báo cáo thông tin nợ công. Quản lý, huy động nguồn vốn vay phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng vay - trả nợ của địa phương, tập trung ưu tiên đầu tư cho các dự án trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, có hiệu ứng lan tỏa, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường, giáo dục, y tế, công nghệ.

4. Nhiệm vụ, giải pháp đầu tư công trung hạn

4.1. Tập trung bố trí vốn đầu tư công trọng tâm, trọng điểm, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; vốn đầu tư công được lập phù hợp với từng cấp chính quyền, từng cấp ngân sách, phạm vi địa giới hành chính và yêu cầu phát triển. Bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026- 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Đối với ngân sách Trung ương: Số lượng dự án đầu tư vốn ngân sách trung ương thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phải thấp hơn giai đoạn 2021 - 2025 định hướng tối thiểu 30% tổng số lượng dự án; để tập trung cho các dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

4.3. Đối với ngân sách địa phương (NSDP): Quyết định đầu tư phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, đảm bảo nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo bố trí đủ vốn NSDP tham gia các Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn; bố trí đủ vốn NSDP tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết,...

(Có phụ lục số 01, 02 chi tiết kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các xã, phường

Căn cứ nội dung Chương trình hành động của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, sát với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình, giải pháp và phân công trách nhiệm cụ thể. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao; tăng cường công tác phối hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 05/6*), hằng năm (*trước ngày 05/12*) báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để tổng hợp, theo dõi, đánh giá; đồng thời đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; định kỳ 6 tháng (*trước ngày 10/6*), hằng năm (*trước ngày 10/12*) báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Chủ trì tham mưu bố trí, cân đối nguồn lực tài chính phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tiết kiệm.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm triển khai thực hiện Chương trình hành động hiệu quả.

(Chương trình hành động này thay thế Chương trình hành động số 2045/CTr-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh).

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CVCK, TTTT);
- Lưu: VT, THKT (Loan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt